

THỐNG NHẤT NỘI DUNG KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TOÁN

KHỐI 9:

1. Nội dung:

- Chủ đề 1: PHƯƠNG TRÌNH VÀ HỆ PHƯƠNG TRÌNH
 - o Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn
 - o Phương trình bậc nhất hai ẩn và hệ phương trình bậc nhất hai ẩn. Giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn
 - o Giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn
 - Chủ đề 2: BẤT ĐẲNG THỨC VÀ BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT MỘT ẨN
 - o Bất đẳng thức
 - o Bất phương trình bậc nhất một ẩn
 - Giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn
 - Chủ đề 3: CĂN THỨC
 - o Căn bậc hai và căn bậc ba
 - o Tính chất của phép khai phương. Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai.
 - Chủ đề 2: HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC VUÔNG
 - o Tỷ số lượng giác của góc nhọn. Hệ thức giữa cạnh và góc của tam giác vuông.
 - Chủ đề 3: ĐƯỜNG TRÒN
 - o Đường tròn. Vị trí tương đối của hai đường tròn
 - o Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn. Tiếp tuyến của đường tròn
 - o Góc ở tâm, góc nội tiếp
 - o Hình quạt tròn và hình vành khuyên
1. Hình thức kiểm tra: đề có 2 phần
- a. Phần trắc nghiệm (30%). Trong đó:
 - Nhận biết: 20%
 - Thông hiểu: 10%
 - b. Phần tự luận (70%). Trong đó:
 - Nhận biết: 15%
 - Thông hiểu: 25%
 - Vận dụng: 20%
 - Vận dụng cao: 10%

NỘI DUNG THỐNG NHẤT KIỂM TRA CUỐI HKI
MÔN NGỮ VĂN
Năm học: 2025-2026

A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

I. Đọc – Hiểu (6 điểm)

- Kiến thức văn bản (5 điểm)
- Kiến thức tiếng Việt (1 điểm) (Có thể lấy ngữ liệu ngoài ngữ liệu trên phần đọc hiểu)

II. Làm văn (4 điểm)

Viết văn bản hoàn chỉnh

B. MA TRẬN ĐỀ

I. Đọc – Hiểu (6 điểm)

- Nhận biết + thông hiểu (bao gồm cả Văn bản và Tiếng Việt): 5 điểm
- Vận dụng: 1 điểm

II. Làm văn (4 điểm)

Vận dụng cao: Viết bài văn hoàn chỉnh.

*** Khối 9**

- Văn bản: Truyện truyền kì, văn bản thông tin (Ngữ liệu ngoài SGK)
- Tiếng Việt: Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp
- Tập làm văn: Viết bài văn nghị luận xã hội về vấn đề đời sống.

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TRỌNG TÂM ÔN TẬP HỌC KÌ 1
MÔN TIẾNG ANH 9
NĂM HỌC 2025 - 2026

Pronunciation (1pt)

- Ending sounds : ed , ea, a , i
- Stress (syllable 1, 2)

Multiple choice (2pts) → 8 câu

* Các Units từ 1 đến 4 trong ILSW9

(New words, Prepositions và Connectives, Conj,Connect.,Prep...)

Signs / Warnings/ Notice/ (0,5pt) → 2 câu

Traffic and announcement

Guided cloze (1,5pt) → 6 câu với 4 chọn lựa mỗi câu

(Đoạn văn từ 140 từ đến 155 từ)

Living Environment - Tourism

- (Danh từ, tính từ, trạng từ, động từ, liên từ, giới từ)

Reading comprehension – True or False (1pt) 4 câu và 2 câu suy luận tổng hợp (0.5pt)

(Đoạn văn từ 140 từ đến 155 từ)

Living in the environment / Tourism

Word form (1,5pt) 6 câu

- 1 adverb “-ly”
- 1 verb
- 2 nouns
- 2 Adjectives

Suggested key words :

Suggest , crowd, convenient , explore , safe , use , admire , impress , thrill , sun , generate , assist , entertain , electricity , environment , reduce , cozy , decorate , connect , remote , technology, tour, neighbor, depend, travel, convenience, fascinate, explore.

Look at the entry of the words in a dictionary. Use what you can get from the entry to complete the sentences with two or three words. (0.5pt) (2 câu)

Suggested words: childhood, community, entertainment , generation,

Transformation → 4 câu

- Wish
- Relative clause (who, whom, which, whose, that)
- Reported speech (suggestions, yes/no questions, wh-questions)
- Used to + Vo

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ HỌC KÌ I MÔN KHOA HỌC TỰ
NHIÊN 9**

Năm học 2025 – 2026

- **Thời điểm kiểm tra:** Tuần 16
- **Thời gian làm bài:** 60 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).
- **Mức độ:** 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng; ở mỗi mức độ số câu hỏi chia theo tỉ lệ 70% cho phần trắc nghiệm và 30% cho phần tự luận như sau:
 - + Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 4,0 điểm gồm 16 câu hỏi, mỗi câu 0,25 điểm
 - + Phần trắc nghiệm đúng sai: 3,0 điểm gồm 12 ý, mỗi ý 0,25 điểm
 - + Phần tự luận: 3,0 điểm gồm 12 ý mỗi ý 0,25 điểm.

NỘI DUNG	TỈ LỆ PHẦN TRĂM	
Nội dung kiến thức: Từ bài 01 đến hết bài 17	100%	
Mở đầu Bài 1. Giới thiệu một số dụng cụ và hoá chất. Thuyết trình một vấn đề khoa học	25%	
Chủ đề 1: Năng lượng cơ học Bài 2: Cơ năng Bài 3: Công và công suất		
Chủ đề 2: Ánh sáng Bài 4: Khúc xạ ánh sáng Bài 5: Tán sắc ánh sáng qua lăng kính. Màu sắc của vật. Bài 6: Phản xạ toàn phần. Bài 7: Thấu kính. Kính lúp.		
Chủ đề 3: Điện Bài 8: Điện trở. Định luật Ohm. Bài 9: Đoạn mạch nối tiếp. Bài 10: Đoạn mạch song song. Bài 11: Năng lượng điện. Công suất điện		
Chủ đề 4: Điện từ		75%
Bài 12. Cảm ứng điện từ		
Bài 13. Dòng điện xoay chiều		
Chủ đề 5. Năng lượng với cuộc sống Bài 14. Năng lượng của Trái Đất. Năng lượng hóa thạch		

Bài 15. Năng lượng tái tạo	
Chủ đề 6. Kim loại và sự khác nhau cơ bản giữa kim loại và phi kim	
Bài 16. Tính chất chung của kim loại	
Bài 17. Dãy hoạt động hóa học của kim loại. Một số phương pháp tách kim loại	

NỘI DUNG KIỂM TRA CUỐI KÌ HỌC KÌ I NĂM 2025 – 2026
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9

A. PHẦN LỊCH SỬ

BÀI 8: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1. Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp-Nhật Bản

- Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp ở Đông Dương thủ tiêu các quyền lợi dân sinh, dân chủ, giải tán các hội ái hữu, bắt giam những người yêu nước. Chính quyền thuộc địa thực thi chính sách "kinh tế chỉ huy", kiểm soát gắt gao hàng hoá, ấn định giá cả, tăng thuế cũ, thêm thuế mới, giảm lương, tăng giờ làm,...

- Tháng 9-1940, quân phiệt Nhật Bản tiến đánh Việt Nam, rồi từng bước xâm chiếm toàn bộ Đông Dương. Quân Pháp kháng cự yếu ớt rồi đầu hàng, câu kết với quân Nhật ra sức bóc lột nhân dân Đông Dương, Việt Nam chịu ách thống trị của cả Pháp và Nhật Bản.

- Về chính trị: cả Nhật Bản và Pháp đều tiến hành phát xít hoá bộ máy cai trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, thủ tiêu các quyền lợi mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong những năm 1936-1939.

- Về kinh tế:

+ Thực dân Pháp thực hiện chính sách “Kinh tế chỉ huy”, tăng cường các loại thuế,..;

+ Quân Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay, thu mua lương thực theo lối cưỡng bức với giá rẻ mạt...

=> Những thủ đoạn tàn ác này đã gây nên nạn đói nghiêm trọng ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ vào cuối năm 1944-đầu năm 1945.

2. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

a) Sự chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương

- Trước những chuyển biến to lớn của tình hình thế giới và trong nước, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời tổ chức các hội nghị để vạch ra đường lối lãnh đạo cách mạng.

- Tháng 11/1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương diễn ra đã xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam lúc này là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, nhằm đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai để giành độc lập.

- Tháng 5/1941, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ tám được triệu tập tại Pác Bó (Cao Bằng) do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chủ trì: Hội nghị xác định:

+ Giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước Đông Dương;

+ Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang để giành chính quyền là nhiệm vụ trung tâm;

+ Xác định hình thái cuộc khởi nghĩa là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa;

+ Dự báo về thời cơ của cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền,..

=> Hội nghị đã hoàn chỉnh chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng, đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, được đề ra từ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11-1939.

b) Chuẩn bị về lực lượng

- Ngày 19/5/1941, Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) được thành lập nhằm tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân để giải phóng dân tộc.

- Mặt trận Việt Minh ra đời đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân, nhất là ở Cao Bằng, tham gia vào các hội Cứu quốc.

- Ngày 22/12/1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập tại Cao Bằng. Ngay sau khi thành lập, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã đánh thắng hai trận liên tiếp tại Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng).

c) Cao trào kháng Nhật cứu nước và những hoạt động chuẩn bị cuối cùng cho Tổng khởi nghĩa (từ tháng 3 đến giữa tháng 8-1945)

◆ **Cao trào Kháng Nhật cứu nước**

- **Bối cảnh:**

+ Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ở Đông Dương, thực dân Pháp ráo riết hoạt động, chờ cơ hội phản công quân Nhật, mâu thuẫn Nhật-Pháp trở nên gay gắt.

+ Tối 9/3/1945, Nhật tiến hành đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương.

- **Chủ trương của Đảng:** Ngày 12/3, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, phát động cao trào “Kháng Nhật cứu nước” làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa.

- **Diễn biến chính:**

+ Ở khu căn cứ địa Cao-Bắc-Lạng: Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện.

+ Ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ: phong trào “Phá kho thóc, giải quyết nạn đói” diễn ra quyết liệt chưa từng có.

- **Ý nghĩa:** là cuộc tập dượt lần thứ ba của Đảng và quần chúng cho Cách mạng tháng Tám

◆ **Những hoạt động chuẩn bị cuối cùng cho Tổng khởi nghĩa**

- Ngày 15/4/1945, Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ được triệu tập. Hội nghị quyết định thống nhất Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thành Việt Nam Giải phóng quân, phát triển các lực lượng vũ trang và nửa vũ trang, xây dựng căn cứ địa kháng Nhật,...

- Tháng 5/1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh rời Pác Bô về Tân Trào (Tuyên Quang). Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập, trở thành căn cứ địa chính của cách mạng.

3. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

a) Diễn biến chính của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

- **Bối cảnh:**

+ Quân phiệt Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện (15/8/1945), quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ thân Nhật hoang mang cực độ.

=> Thời cơ tổng khởi nghĩa đã đến.

- **Chủ trương của Đảng:**

+ Ngày 13-8-1945, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc đã được thành lập, ban bố Quân lệnh số 1, chính thức phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

+ Ngày 14 và 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang), thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa, quyết định những vấn đề quan trọng trong chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

+ Ngày 16 và 17-8-1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (sau này là Chính phủ lâm thời) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

- Diễn biến chính:

+ Từ ngày 14/8/1945, nhiều xã, huyện ở Bắc và Trung Bộ bắt đầu khởi nghĩa.

+ Chiều 16/8/1945, giải phóng quân tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.

+ Ngày 18/8/ 1945, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền sớm nhất.

+ Tối 19/8/1945 khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội.

+ Ngày 23/8/1945, nhân dân Huế giành được chính quyền.

+ Ngày 25/8/1945, khởi nghĩa giành thắng lợi tại Sài Gòn.

+ Ngày 28/8/1945, Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là hai tỉnh cuối cùng giành được chính quyền.

+ Ngày 30/8/1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.

d) Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời

- Ngày 25-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam từ Tân Trào về đến Hà Nội. Hồ Chí Minh soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập, chuẩn bị mọi công việc để Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân.

- Ngày 2-9, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

4 Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Nguyên nhân thắng lợi

- **Nguyên nhân khách quan:** Chiến thắng của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít, nhất là chiến thắng quân phiệt Nhật Bản đã tạo thời cơ để nhân dân ta đứng lên tổng khởi nghĩa.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Truyền thống yêu nước, đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam.

+ Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Quá trình chuẩn bị chu đáo cho Cách mạng tháng Tám trong suốt 15 năm

+ Sự đồng lòng của toàn dân; chỉ đạo linh hoạt của các cấp bộ Đảng, Việt Minh để chớp thời cơ giành chính quyền.

b) Ý nghĩa lịch sử

- Đối với dân tộc Việt Nam

+ Phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp - Nhật, lật đổ chế độ phong kiến, lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

+ Mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc - kỉ nguyên độc lập, tự do; giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

+ Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành một Đảng cầm quyền, chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo.

- Đối với thế giới:

- + Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- + Cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.

BÀI 9: CHIẾN TRANH LẠNH (1947 – 1989)

1. Nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh

- Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Mỹ và Liên Xô nảy sinh nhiều bất đồng trong quá trình giải quyết những hậu quả của cuộc chiến:

+ Mỹ và Anh không tán đồng chính sách của Liên Xô là hỗ trợ các đảng cộng sản nắm quyền ở các nước Đông Âu;

+ Liên Xô phản đối Anh và Mỹ chia cắt Đức thành hai nước riêng biệt.

- Tháng 3-1947, Học thuyết Tru-man ra đời đánh dấu sự chuyển hướng sang chính sách đối đầu với Liên Xô của Mỹ.

- Để đối phó, tháng 9-1947, đại diện cao nhất của phái đoàn Liên Xô chính thức tuyên bố thế giới đã chia thành hai phe: phe đề quốc chủ nghĩa, chống dân chủ do Mỹ lãnh đạo và phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột.

- Hậu quả là quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô đã rơi vào tình trạng căng thẳng kéo dài, được gọi là Chiến tranh lạnh. Sự đối đầu giữa hai siêu cường đã dẫn đến cuộc chạy đua vũ trang giữa 2 phe và làm bùng nổ các cuộc chiến tranh cục bộ.

2. Biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh

◆ Trong Chiến tranh lạnh, Mỹ và Liên Xô luôn ở trong tình trạng đối đầu trên các lĩnh vực chính trị-quân sự và mở rộng ảnh hưởng ở các khu vực trên thế giới...

◆ Một số biểu hiện về sự đối đầu giữa các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa:

- Về kinh tế:

+ *Mỹ và các nước tư bản chủ nghĩa*: Thực hiện Kế hoạch Mác-san (1947), Mỹ đầu tư khoảng 13 tỉ USD cho 16 nước Tây Âu phục hồi kinh tế.

+ *Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa*: Thành lập Hội đồng Tương trợ kinh tế-SEV (1949), thúc đẩy sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa.

- Về chính trị-quân sự:

+ *Mỹ và các nước tư bản chủ nghĩa*: Thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương-NATO (1949); Chế tạo thành công bom nguyên tử (1945). Phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1958),...

+ *Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa*: Thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (1955); Chế tạo thành công bom nguyên tử (1949). Phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1957),....

- Trong thời kì Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh cục bộ giữa các nước theo hai phe diễn ra ở nhiều khu vực như Đông Nam Á, Đông Bắc Á, Trung Đông,...

3. Hậu quả của Chiến tranh lạnh

- Chiến tranh lạnh đã tạo nên một thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng, có lúc đứng trước nguy cơ bùng nổ chiến tranh hạt nhân.

- Mỹ và Liên Xô dồn nguồn lực đất nước để chạy đua vũ trang dẫn đến chi phí quốc phòng tăng cao.

- Các cuộc chiến tranh cục bộ còn cướp đi sinh mạng của hàng triệu con người, gây đau thương cho nhiều quốc gia, dân tộc.
- Chiến tranh lạnh kéo dài hơn 40 năm, chấm dứt vào năm 1989.

BÀI 10: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991 (Tiết 1)

1. Tình hình Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991

◆ Tình hình chính trị

- Đối nội:

- + Liên Xô tiến hành bầu cử Xô viết các cấp thực hiện lãnh đạo biện pháp củng cố, tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản, phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- + Bộ máy nhà nước trung ương về cơ bản đến năm 1991 bao gồm: các Xô viết đại biểu nhân dân (cơ quan lập pháp); Hội đồng Bộ trưởng (cơ quan hành pháp); Toà án và trọng tài, viện kiểm sát (cơ quan tư pháp).
- + Ngoài ra, còn có các tổ chức chính trị xã hội đại diện cho các tầng lớp nhân dân như Công đoàn, Đoàn Thanh niên,..

- Đối ngoại:

- + Thực hiện chính sách bảo vệ hoà bình thế giới, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa;
- + Trở thành trụ cột trong phe xã hội chủ nghĩa đối phó với Mỹ và phương Tây trong Chiến tranh lạnh.

◆ Tình hình kinh tế

- 1946 - 1950, Liên Xô thực hiện khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.
- 1950 - giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô tiến hành xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội và đạt nhiều thành tựu, như:
 - + Đến những năm 60, Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp thứ hai thế giới (sau Mỹ).
 - + Liên Xô là nước đầu tiên trên thế giới phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1957), phóng tàu vũ trụ có người lái vào quỹ đạo Trái Đất (1961), mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.
- Từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, nền kinh tế Liên Xô có dấu hiệu trì trệ. Công cuộc cải tổ kinh tế được thực hiện từ năm 1985, nhưng thiếu đồng bộ và hiệu quả, dẫn đến khủng hoảng kinh tế trầm trọng trong những năm 1989-1991.

◆ Tình hình xã hội, văn hoá

- Mức sống của người dân được cải thiện.
- Xây dựng được hệ thống phúc lợi xã hội, y tế.
- Hệ thống giáo dục quốc dân phát triển, người dân có trình độ văn hoá cao. Đội ngũ trí thức, các nhà khoa học cùng với hệ thống các trường đại học, viện nghiên cứu được nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển.
- Nền văn hoá, nghệ thuật Xô viết đạt được nhiều thành tựu rực rỡ, đóng góp to lớn vào kho tàng văn hoá chung của nhân loại.

b) Chế độ xã hội chủ nghĩa khủng hoảng, tan rã ở Liên Xô (nửa sau thập niên 80 đến năm 1991)

- Vào thập niên 80, nền kinh tế Liên Xô bắt đầu gặp khó khăn, phải lệ thuộc vào dầu mỏ:

- + Chính sách phát triển kinh tế không đồng bộ, tập trung cho công nghiệp nặng đã dẫn đến công nghiệp nhẹ không sản xuất đủ hàng tiêu dùng cho người dân.
- + Nền nông nghiệp sản xuất không đủ lương thực cho cả người và gia súc.
- Vào cuối thập niên 80 của thế kỉ XX, giá dầu trên thị trường thế giới sụt giảm mạnh, đẩy nền kinh tế Liên Xô rơi vào khủng hoảng. Nợ nước ngoài gia tăng, đời sống nhân dân gặp khó khăn, xã hội bất ổn. Tình trạng tham nhũng, hối lộ, thiếu dân chủ, vi phạm pháp chế có điều kiện bùng phát đẩy Liên Xô vào tình trạng khủng hoảng toàn diện.
- Năm 1985, M. Góóc-ba-chốp (M. Gorbachev) nắm quyền lãnh đạo Đảng, thực hiện cải tổ toàn diện về kinh tế và chính trị ở Liên Xô. Năm 1990, ông trở thành Tổng thống đầu tiên của Liên Xô. Tuy nhiên, công cuộc cải tổ thất bại đã đẩy Liên Xô rơi vào tình trạng khủng hoảng, rối loạn.
- Tháng 8-1991, một số lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô làm đảo chính để lật đổ M. Góóc-ba-chốp nhưng thất bại và dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng:
 - + Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động;
 - + Ngày 21-12-1991, đại diện 11 nước cộng hòa trong Liên bang Xô viết đã kí Hiệp định về giải tán Liên bang Xô viết, thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG);
 - + Ngày 25-12-1991, Góóc-ba-chốp từ chức Tổng thống Liên Xô. Chế độ chủ nghĩa xã hội chấm dứt tại Liên bang Xô viết.

Bài 11: NƯỚC MỸ VÀ CÁC NƯỚC TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

1. Nước Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991

- a. Tình hình kinh tế - Từ năm 1945 đến năm 1973: kinh tế phát triển thịnh vượng.
 - Từ năm 1973 đến đầu thập niên 80: khủng hoảng, suy thoái và nỗ lực tái cấu trúc kinh tế.
 - Từ giữa thập niên 80 đến năm 1991: kinh tế dần hồi phục.
- b. Tình hình chính trị
 - Đối nội:
 - + Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ thay nhau cầm quyền.
 - + Xã hội bất ổn: khoảng cách giàu nghèo, phân biệt chủng tộc, giới tính. + Phong trào phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
 - Đối ngoại:
 - + Cải thiện quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc.
 - + Năm 1989, tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

B. PHẦN ĐỊA LÍ

BÀI 6: CÔNG NGHIỆP

1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp

Nhân tố	Tác động
---------	----------

Khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Nước ta có nguồn khoáng sản phong phú, đa dạng - Một số loại khoáng sản có trữ lượng đáng kể như: than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên, → phát triển công nghiệp. - Tuy nhiên, phần lớn các mỏ khoáng sản có quy mô nhỏ, chủ yếu thuận lợi cho phát triển công nghiệp địa phương; nhiều loại khoáng sản được khai thác đã suy giảm đáng kể về trữ lượng.
Sinh vật	Nước ta có nguồn lợi tài nguyên rừng, sinh vật phong phú, đa dạng → nguyên liệu dồi dào để phát triển công nghiệp chế biến.
Nguồn nước	<ul style="list-style-type: none"> - Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc với trữ lượng thủy điện lớn trên hệ thống sông Hồng, hệ thống sông Srêpôk, hệ thống sông Đồng Nai,.. là điều kiện phát triển thủy điện. - Ngoài ra, sông ngòi còn là nguồn cung cấp nước cho một số ngành công nghiệp. - Nguồn nước nóng, nước khoáng đa dạng phân bố ở nhiều nơi tạo điều kiện phát triển ngành công nghiệp sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết.
Khí hậu	Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đem lại nguồn năng lượng tái tạo dồi dào như năng lượng gió, năng lượng mặt trời,.. Khí hậu cũng tạo ra tính thời vụ trong sản xuất nông nghiệp → tác động đến sự phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản.
Vị trí địa lí	Những nơi có vị trí địa lí thuận lợi như gần cảng biển, đường giao thông huyết mạch, các đô thị lớn (Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng),... có nền công nghiệp phát triển mạnh và tập trung phân bố nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp.

2. Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu

Ngành	Vai trò	Hiện trạng	Phân bố
Công nghiệp khai thác dầu thô và khí tự nhiên	Đóng góp vào giá trị sản xuất ngành công nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng khai thác biến động. —Đang áp dụng nhiều công nghệ mới trong sản xuất. 	Than: Quảng Ninh, dầu thô và khí tự nhiên: thềm lục địa phía Nam, ti-tan: Duyên hải Nam Trung Bộ,...
Công nghiệp sản xuất điện	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển kinh tế đất nước. - Nâng cao đời sống nhân dân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng điện tăng. - Áp dụng khoa học công nghệ hiện đại, phát triển nguồn điện, vận hành và quản lí hệ thống lưới điện thông minh. - Cơ cấu sản lượng điện đa dạng, tăng tỉ trọng điện gió, 	<ul style="list-style-type: none"> – Thủy điện tập trung chủ yếu ở khu vực miền núi. - Nhiệt điện phân bố khắp cả nước. - Điện gió và điện mặt trời tập trung chủ yếu ở Duyên hải Nam

		điện mặt trời và các loại điện tái tạo khác.	Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.
Công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính	- Vai trò ngày càng quan trọng. - Tỉ trọng trong giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng.	- Sản lượng tăng nhanh, cơ cấu ngành đa dạng. - Ngành có hàm lượng công nghệ cao, áp dụng nhiều công nghệ hiện đại: trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tự động hoá.	Tập trung ở những nơi có nguồn lao động trẻ, có trình độ như vùng Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng.
Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm	Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp.	- Sản lượng các sản phẩm ngày càng tăng. - Áp dụng công nghệ mới: đông khô, sấy khô, sấy lạnh, công nghệ sinh học.	Phân bố rộng khắp cả nước, phát triển mạnh ở các đô thị như: TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng,...
Công nghiệp dệt và sản xuất trang phục;	Là ngành sản xuất tiêu dùng quan trọng của đất nước.	- Sản lượng tăng nhanh. - Sản phẩm của ngành là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta. - Đang áp dụng công nghệ hiện đại: tự động hoá, in 3D, trí tuệ nhân tạo vào sản xuất.	Thành Phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,...

BÀI 8: DỊCH VỤ

1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

Nhân tố	Tác động
Trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố của ngành dịch vụ chịu ảnh hưởng quyết định bởi trình độ phát triển kinh tế và năng suất lao động. - Kinh tế nước ta ngày càng phát triển, năng suất lao động ngày càng tăng thúc đẩy ngành dịch vụ mở rộng quy mô, đa dạng hoá các loại hình và nâng cao chất lượng dịch vụ. - Các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ,.. có đa dạng các ngành dịch vụ.
Quy mô, cơ cấu dân số và mức sống	<ul style="list-style-type: none"> - Sức mua và nhu cầu của người dân đối với hàng hoá, dịch vụ ảnh hưởng bởi quy mô, cơ cấu dân số và mức sống. - Nước ta có số dân đông, cơ cấu dân số trẻ, mức sống không ngừng được nâng cao tạo nên thị trường tiêu thụ rộng lớn, nhu cầu tiêu dùng tăng, hoạt động các ngành dịch vụ được tăng cường và phát triển ngày càng đa dạng.
Phân bố dân cư và đô thị hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Sự phân bố dân cư và đô thị hoá ảnh hưởng rõ nét đến mạng lưới các ngành dịch vụ.

	– Vùng đồng bằng, các đô thị lớn tập trung đông dân như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh,.. có nhu cầu về các hoạt động dịch vụ lớn và đa dạng, dẫn đến sự tập trung các ngành dịch vụ.
Truyền thông văn hóa dân tộc và di tích lịch sử - văn hóa	Nước ta có bề dày phát triển lịch sử lâu đời, nhiều giá trị truyền thống, các di tích lịch sử – văn hoá giàu bản sắc của dân tộc Việt Nam như lễ hội đền Hùng, làng tranh Đông Hồ, nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ, múa rối nước, cố đô Huế,.. giúp thúc đẩy sự phát triển ngành dịch vụ, nhất là ngành du lịch.
Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật	Hệ thống giao thông, điện, nước, mạng lưới thông tin liên lạc, trung tâm mua sắm,... ảnh hưởng đến phân bố và tình hình hoạt động các ngành dịch vụ. Việc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất – kĩ thuật ở nước ta những năm qua đã góp phần thúc đẩy sự phát triển và mở rộng phân bố ngành dịch vụ.
Khoa học – công nghệ	Sự tiến bộ và những thành tựu nổi bật trong các lĩnh vực khoa học – công nghệ như công nghệ thông tin, công nghệ viễn thông,... đã giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ.
Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	– Nước ta nằm ở gần trung tâm khu vực Đông Nam Á, có vùng biển rộng lớn, nằm trên tuyến đường hàng hải quốc tế, cầu nối giữa hai lục địa, tạo nhiều thuận lợi phát triển các loại hình giao thông, trao đổi, mua bán hàng hoá với các nước trong khu vực và trên thế giới. – Nước ta có nhiều phong cảnh hấp dẫn; đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh, bãi biển đẹp, sinh vật đa dạng, thuận lợi cho phát triển một số ngành dịch vụ như du lịch, giao thông vận tải,... – Tuy nhiên, lãnh thổ với 3/4 diện tích là đồi núi, địa hình bị chia cắt mạnh, thường xảy ra thiên tai như bão, ngập lụt, ảnh hưởng đến phân bố và hoạt động của các ngành dịch vụ; tỉ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất – kĩ thuật còn hạn chế,... gây khó khăn cho sự phát triển, phân bố và hoạt động các ngành dịch vụ.

2. Giao thông vận tải

- **Đường bộ:** Trên phạm vi cả nước đã hình thành các tuyến đường huyết mạch kết nối các vùng, các tỉnh, các trung tâm kinh tế, các cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không quốc tế.

+ Quốc lộ 1 chạy từ Lạng Sơn đến Cà Mau, nối hầu hết các vùng kinh tế và các trung tâm kinh tế lớn của cả nước.

+ Đường Hồ Chí Minh từ Cao Bằng đến Cà Mau có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội khu vực phía tây của nước ta.

+ Các tuyến đường Tây – Đông như tuyến quốc lộ 7 nối liền Vinh với nước Lào qua cửa khẩu Nậm Cắn.

+ Đã và đang hình thành nhiều tuyến đường cao tốc có ý nghĩa liên vùng, tuyến đường Xuyên Á, tuyến đường ASEAN,...

- **Đường sông:** Mạng lưới đường sông ở nước ta khá dày đặc, phát triển trên nhiều vùng, trong đó mức độ phát triển mạnh nhất là trên sông Hồng và sông Cửu Long. Một số cảng thủy nội địa ở nước ta như Ninh Phúc (Ninh Bình), Sơn Tây (Hà Nội), Tân Thành (Cà Mau),...

- **Đường biển:** phát triển mạnh cùng với sự phát triển của các hoạt động thương mại. Trên phạm vi cả nước đã hình thành một số đường biển quốc tế như tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Hồng Kông, tuyến Hải Phòng – Tokyo,...

+ Các cảng biển lớn ở nước ta như: cảng Quảng Ninh, cảng Khánh Hòa, cảng TP Hồ Chí Minh, cảng Bà Rịa – Vũng Tàu,...

- **Đường sắt:** Tuyến quan trọng nhất là đường sắt Thống Nhất (Hà Nội – TP Hồ Chí Minh). Các tuyến đường chính khác như: Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội – Lạng Sơn, Hà Nội – Lào Cai,... Trong những năm qua, nước ta đã và đang phát triển các tuyến đường sắt nội đô ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.

- **Đường hàng không:** N phát triển rất mạnh mẽ và ngày càng hiện đại. Năm 2021, cả nước có 22 cảng hàng không dân dụng, trong đó có 11 cảng hàng không quốc tế. Mạng lưới các tuyến đường hàng không được thiết lập khắp các vùng của cả nước và trên thế giới.

3. Bưu chính viễn thông

– Mạng lưới bưu chính nước ta rộng khắp với hơn 930 bưu điện, hơn 14 000 điểm phục vụ, đảm bảo mỗi xã có một điểm phục vụ. Doanh thu hoạt động bưu chính đạt 26,8 nghìn tỉ đồng (năm 2021).

- Viễn thông là ngành có sự phát triển nhanh chóng, doanh thu ngành viễn thông đạt khoảng 316,4 nghìn tỉ đồng (năm 2021).

– Năm 2021, Việt Nam có một số trạm thông tin vệ tinh, 7 tuyến cáp quang biển quốc tế góp phần nâng cao năng lực viễn thông quốc tế và trong nước.

4. THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

* Nội thương:

– Các cơ sở bán lẻ hiện đại ngày càng mở rộng.

– Quy hoạch hợp lý, đổi mới mô hình hoạt động các chợ đầu mối và truyền thống. – Hạ tầng thương mại được đầu tư.

– Thương mại điện tử phát triển nhanh.

– Gia tăng thu hút đầu tư, liên kết với doanh nghiệp nước ngoài trong lĩnh vực thương mại.

* Ngoại thương:

– Phát triển xuất khẩu, nhập khẩu bền vững.

– Thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng: đẩy mạnh khai thác các thị trường lớn, yêu cầu sản phẩm chất lượng cao như Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản,...; mở rộng sang các thị trường còn tiềm năng như Liên bang Nga, Ấn Độ, châu Phi, Trung Đông, Mỹ La tinh,...

– Thị trường nhập khẩu có sự chuyển dịch về cơ cấu: giảm tỉ trọng nhập khẩu từ các thị trường công nghệ thấp, công nghệ trung gian, tăng tỉ trọng nhập khẩu từ các thị trường công nghệ nguồn.

* Du lịch:

– Phát triển mạnh.

– Ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần đẩy mạnh xuất khẩu tại chỗ thông qua du lịch gắn với một số xu hướng chủ yếu sau:

- + Đẩy mạnh phát triển du lịch bền vững.
- + Tập trung phát triển các loại hình du lịch tiềm năng.
- + Tăng cường phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng dựa trên các lợi thế về tài nguyên.
- + Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh.
- + Chú trọng đầu tư, khai thác các khu vực động lực phát triển du lịch.
- + Mở rộng thị trường.

BÀI 9: VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

- Diện tích hơn 95 nghìn km² (chiếm 28,7% cả nước).
 - Gồm 14 tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình; được chia thành hai tiểu vùng là Đông Bắc và Tây Bắc.
 - Tiếp giáp với Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và các nước Trung Quốc, Lào với nhiều cửa khẩu quốc tế quan trọng như Hữu Nghị, Lào Cai, Tây Trang,... thuận lợi trong việc thúc đẩy giao thương quốc tế và kết nối với các cảng biển ở vùng Đồng bằng sông Hồng.
- => Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ có ý nghĩa quan trọng đối với đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước.

2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Đặc điểm	Đông Bắc	Tây Bắc
Địa hình	Chủ yếu núi trung bình, núi thấp, chạy theo hướng vòng cung như Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, có vùng đồi xen kẽ là các cao nguyên đá vôi, cánh đồng và thung lũng.	Địa hình cao nhất nước ta, đỉnh Phan-xi-păng cao 3147 m; địa hình chia cắt và hiểm trở, xen kẽ là các cao nguyên đá vôi, cánh đồng và thung lũng.
Khí hậu	Có 2 đai cao là đai nhiệt đới gió mùa, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi.	Có đủ 3 đai cao là đai nhiệt đới gió mùa, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi và đai ôn đới gió mùa trên núi.
Sông ngòi	Có các hệ thống sông lớn	Có các hệ thống sông lớn, tiềm năng thủy điện lớn nhất cả nước.
Sinh vật	Có tỉ lệ che phủ rừng cao hơn Tây Bắc	Có đủ 3 đai sinh vật là rừng nhiệt đới, rừng cận nhiệt đới, rừng ôn đới trên núi cao.
Khoáng sản	Tập trung một số loại như than, sắt, chì, kẽm, bô-xít, a-pa-tít,...	Ít khoáng sản hơn, chủ yếu là chì, kẽm, đồng, đất hiếm, nước khoáng,...

3. Đặc điểm dân cư và chất lượng cuộc sống

- **Phân bố dân cư:** năm 2021, vùng có số dân khoảng 12,9 triệu người (chiếm 13,2% cả nước); mật độ dân số thấp, khoảng 136 người/km². Dân số thành thị chiếm khoảng 20,5%, dân số nông thôn chiếm khoảng 79,5%.
- **Thành phần dân tộc:** là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc như Kinh, Thái, Mường, Dao, H'Mông, Tày, Nùng,... Các dân tộc có truyền thống văn hóa đặc sắc, đoàn kết trong xây dựng và phát triển

kinh tế. Cùng với quá trình phát triển kinh tế, sự phân bố các dân tộc có sự thay đổi và xu hướng các dân tộc sinh sống xen nhau trở nên phổ biến ở nhiều khu vực trong vùng.

- **Chất lượng cuộc sống:** dân cư vùng ngày càng được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người/tháng được nâng lên, tăng từ 0,9 triệu đồng (2010) lên 2,8 triệu đồng (2021).

+ Vùng đang đầu tư xây dựng nông thôn mới với hạ tầng giao thông được nâng cấp và làm mới, tỉ lệ hộ nghèo trong vùng giảm mạnh, từ 29,4% (2010) giảm xuống còn 13,4% (2021).

+ Tuổi thọ trung bình của người dân tăng lên, đạt 71,2 tuổi, tỉ lệ người biết chữ cũng tăng lên, đạt 90,6% năm 2021.

4. Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế

- Nông nghiệp:

+ **Trồng trọt:** là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn, cơ cấu cây đa dạng, trong đó có cây trồng cận nhiệt đới, ôn đới, cây dược liệu. Chè có diện tích lớn nhất cả nước, sản lượng đạt 853,4 nghìn tấn, chiếm 78,2% sản lượng cả nước, trồng nhiều ở Mộc Châu, Tân Cương; cà phê trồng nhiều ở Sơn La, Điện Biên; cây dược liệu như hồi, quế, tam thất phân bố ở Cao Bằng, Lạng Sơn, vùng núi cao Hoàng Liên Sơn; cây ăn quả phát triển theo hướng tập trung như xoài, nhãn (Sơn La), vải thiều (Bắc Giang),...; rau vụ đông được phát triển mạnh ở nhiều tỉnh.

+ **Chăn nuôi:** năm 2021, có số lượng đàn trâu nhiều nhất cả nước, khoảng 1,2 triệu con, chiếm 55% cả nước, tập trung ở Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình,...; tổng đàn bò đạt 1,2 triệu con (chiếm 19% cả nước), nuôi bò sữa được chú trọng phát triển ở Mộc Châu; tổng đàn lợn đạt 5,5 triệu con, nuôi nhiều ở Bắc Giang, Phú Thọ, Sơn La,...

- **Lâm nghiệp:** tổng diện tích rừng lớn (chiếm 36,5% diện tích cả nước - 2021)

+ **Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản:** sản lượng gỗ khai thác từ rừng sản xuất là gần 5,4 triệu m³ (chiếm 28,4% sản lượng cả nước), chủ yếu là gỗ tròn, gỗ xẻ; ngoài ra còn khai thác tre, nứa,... Ngành khai thác và chế biến gỗ phát triển và phân bố ở nhiều tỉnh như Tuyên Quang, Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái,...

+ **Trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng:** việc trồng rừng được quan tâm nên diện tích rừng trồng tăng 0,5 triệu ha từ 2010 - 2021; công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng cũng được tiế hành ở nhiều vườn quốc gia như Hoàng Liên, Xuân Sơn, Ba Bể, Du Già, Pịa Oắc - Pịa Đén.

- **Công nghiệp** của vùng tăng trưởng nhanh chóng do thu hút đầu tư, đổi mới về khoa học công nghệ trong khâu sản xuất, tạo động lực cho phát triển công nghiệp. Cơ cấu ngành đa dạng, phù hợp với thế mạnh đặc trưng của vùng.

+ Công nghiệp sản xuất điện:

+ Nhiều thế mạnh phát triển thủy điện trên các sông Đà, sông Chảy,... Các nhà máy thủy điện như Sơn La (2400 MW), Hòa Bình (1920 MW), Lai Châu (1200 MW), Thác Bà (108 MW), Tuyên Quang (342 MW),... cung cấp điện năng hòa vào mạng lưới điện quốc gia, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của vùng và cả nước.

+ Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than như Sơn Động (220 MW) Bắc Giang, Na Dương (110 MW) Lạng Sơn, Cao Ngạn (100 MW) Thái Nguyên,... đóng góp vào sản xuất điện năng cho vùng. Tiềm năng về nguồn năng lượng mới như điện mặt trời cũng được chú trọng đầu tư và phát triển trong tương lai.

+ **Công nghiệp khai khoáng:** có nhiều khoáng sản thuận lợi cho phát triển công nghiệp khai khoáng. Các cơ sở công nghiệp khai khoáng của vùng như a-pa-tít (Lào Cai), than đá (Lạng Sơn, Thái Nguyên), đá vôi xi măng (Sơn La),...

- Ngoài ra, nhiều ngành công nghiệp khác như sản xuất, chế biến thực phẩm; vật liệu xây dựng; khai thác và chế biến lâm sản;... cũng đang được đầu tư phát triển.

TRƯỜNG THCS CỬU LONG

NHÓM: CD - CN - TD

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HKI (2025-2026)

MÔN: GDCD 9

I. Hình thức:

- Trắc nghiệm: 30%
- Tự luận: 70%

II. Nội dung:

- Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng.
- Bài 4: Khách quan và công bằng.
- Bài 5: Bảo vệ hòa bình.

**HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VÀ NỘI DUNG TRỌNG TÂM
ÔN TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I
MÔN CÔNG NGHỆ - NĂM HỌC 2025 - 2026**

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 60% trắc nghiệm, 40% tự luận).

- **Cấu trúc:**

- + Mức độ đề: 50% Nhận biết; 40% Thông hiểu; 10% Vận dụng.
- + Phần trắc nghiệm lựa chọn: 4.0 điểm (gồm 16 câu hỏi, mỗi câu 0.25 điểm).
- + Phần trắc nghiệm điền khuyết, nối cột, đúng sai, ...: 2.0 điểm (mỗi ý 0.5 điểm).
- + Phần tự luận: 4.0 điểm (từ 2 đến 3 câu hỏi, trong đó có câu vận dụng)

- **Thời gian làm bài:** 45 phút.

- **Nội dung kiến thức trọng tâm kiểm tra:** Từ đầu HK1 đến hết tuần 14.

* **CÔNG NGHỆ 9:**

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

CHỦ ĐỀ 3: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ TẠI VIỆT NAM

Nhận biết:

- Khái niệm thị trường lao động. Người lao động, người sử dụng lao động là như thế nào.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.
- Các vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt nam.
- Các bước trong qui trình tìm kiếm thông tin thị trường lao động.

Thông hiểu:

- Thông hiểu nội dung của các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.
- Một số ngành nghề kinh tế có sự chuyển dịch cơ cấu trong nền công nghiệp 4.0.
- Vai trò của thị trường lao động trong định hướng nghề nghiệp.
- Nội dung cần tìm kiếm các thông tin thị trường lao động.
- Nội dung cần đạt của các bước trong qui trình tìm kiếm thông tin thị trường lao động.

CHỦ ĐỀ 4: LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ

Nhận biết:

- Những lý thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.
- Khái niệm về cây nghề nghiệp. Nội dung của cây nghề nghiệp.
- Khái niệm lý thuyết mật mã Holland. Nội dung của mật mã Holland.
- Đặc điểm của các kiểu người trong mật mã Holland.
- Các bước trong qui trình lựa chọn nghề nghiệp.

Thông hiểu:

- Nội dung của phần rễ, phần quả của cây nghề nghiệp. Khi lựa chọn nghề nghiệp yếu tố nào quan trọng trong lý thuyết cây nghề nghiệp. Vì sao.
- Những nhóm tính cách nào tương ứng với nội dung của mật mã Holland.
- Những ngành nghề tương ứng với các nhóm tính cách của mật mã Holland.

- Các yếu tố chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp đối với bản thân.
- Mô tả nội dung trong các bước qui trình lựa chọn nghề nghiệp.

Vận dụng:

- Lựa chọn một ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ mà cá nhân yêu thích và cho biết tính cách, kiểu người, đặc điểm tính cách của nghề phù hợp. (Theo lý thuyết mật mã Holland).

TRẢI NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP: MODUN LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ

CHỦ ĐỀ 1 THIẾT BỊ ĐÓNG CẮT VÀ LẤY ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH

Nhận biết:

- Kể tên các thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình.
- Trình bày được các bộ phận chính có trong thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình.

Thông hiểu:

- Mô tả được chức năng của các thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình.
- Hiểu được các thông số kỹ thuật của các thiết bị đóng cắt và lấy điện.

Vận dụng:

- Vận dụng các tình huống lắp đặt thiết bị đóng cắt và lấy điện của mạch điện trong thực tế

Vận dụng cao:

- Giải thích được tại sao cần sử dụng thiết bị đóng cắt và lấy điện trong gia đình. Nêu được các tên gọi khác của các thiết bị đóng cắt trong thực tế.

CHỦ ĐỀ 2 DỤNG CỤ ĐO ĐIỆN CƠ BẢN

Nhận biết:

- Kể được tên một số dụng cụ đo điện cơ bản.

Thông hiểu:

- Nêu được chức năng của một số dụng cụ đo điện cơ bản.
- Trình bày cấu tạo của một số dụng cụ đo điện cơ bản.
- Dựa vào hình ảnh minh họa phân biệt được các bộ phận chính của các thiết bị đo điện

Vận dụng:

- Hiểu được ý nghĩa và cách sử dụng thang đo của đồng hồ vạn năng
- Trình bày được quy trình sử dụng và một số lưu ý khi sử dụng một số dụng cụ đo điện cơ bản

CHỦ ĐỀ 3: SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ VÀ SƠ ĐỒ LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ

Nhận biết

- Trình bày được khái niệm và chức năng của sơ đồ nguyên lý của mạng điện trong nhà.

Thông hiểu

- Đọc được các kí hiệu quy ước phần tử mạch điện.

Vận dụng:

- Hiểu được quy trình thiết kế sơ đồ nguyên lý

Vận dụng cao

- Vẽ được sơ đồ nguyên lí mạng điện căn bản trong nhà.

HẾT

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ HỌC KÌ I

MÔN: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 9

CHỦ ĐỀ 1: KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

I. Tình hình phát triển kinh tế

1. Nông nghiệp – Lâm nghiệp – Thủy sản

- Nông nghiệp:

+ Phát triển theo hướng nông nghiệp đô thị, công nghệ cao, sản xuất an toàn; ưu tiên cây có giá trị (rau, hoa kiểng, xoài, bưởi, mít, thanh long, sầu riêng).

+ Cây công nghiệp: cao su, hồ tiêu, điều.

+ Diện tích lúa giảm nhưng năng suất tăng.

+ Chăn nuôi trang trại công nghiệp với bò sữa, bò thịt, lợn, gia cầm, dê; có mô hình nuôi yến.

- Lâm nghiệp: Quy mô nhỏ ở đô thị; có rừng ngập mặn ven biển, khu bảo tồn và vườn quốc gia; duy trì độ che phủ, khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ phù hợp bảo vệ môi trường.

- Thủy sản: Mạnh về nuôi trồng và khai thác ven biển; nuôi trồng chiếm tỷ trọng lớn, phát triển công nghệ cao cho tôm, cá và cá cảnh; một số đô thị biển có sản lượng khai thác cao.

2. Công nghiệp

- Được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn có đóng góp GRDP rất cao, chuyển dịch hiện đại, gắn công nghệ thông minh.

- Thế mạnh: dầu khí, hóa dầu, cơ khí, luyện kim, vật liệu xây dựng, điện – điện tử, máy tính, chế biến thực phẩm.

- Phát triển mạnh các khu/cụm công nghiệp, doanh nghiệp tập trung ở ngoại thành và đô thị cảng.

- Xu hướng: giảm tỷ trọng nhà nước, tăng khu vực ngoài nhà nước và FDI; phát triển công nghiệp theo chiều sâu, gia tăng giá trị.

3. Dịch vụ

- Thương mại – bán lẻ phát triển, hàng hóa đa dạng; xuất khẩu dầu thô, thép, dệt may, thủy sản, giày dép.

- Giao thông – logistics hiện đại, kết nối vùng, hướng thành trung tâm logistics.

- Du lịch: biển đảo, sinh thái, di tích, làng nghề; khách và doanh thu tăng.

- Bưu chính – viễn thông, internet phát triển mạnh.

- Dịch vụ công trực tuyến, chính quyền số; giáo dục mở rộng, chất lượng nâng cao.

III. Vấn đề phát triển bền vững ở Thành phố Hồ Chí Minh

1. Thực trạng đặt ra yêu cầu phát triển bền vững

- TP. Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế – xã hội lớn nhất cả nước, tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh.
- Thành phố đối mặt nhiều vấn đề: ô nhiễm môi trường, ngập úng, ùn tắc giao thông, chênh lệch giàu nghèo, áp lực dân số – nhà ở.
- Khai thác tài nguyên và phát triển kinh tế nếu không kiểm soát sẽ làm suy giảm chất lượng môi trường sống.

2. Sự cần thiết phải phát triển bền vững

- Đảm bảo cân bằng giữa kinh tế – xã hội – môi trường, tránh phát triển “nóng” gây hệ lụy lâu dài.
- Bảo vệ tài nguyên, môi trường sống, ứng phó biến đổi khí hậu, nhất là tình trạng nước biển dâng và triều cường.
- Nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, tạo môi trường sống an toàn, trong lành, văn minh.
- Giữ vững vai trò trung tâm vùng và cả nước, thu hút đầu tư bền vững, đảm bảo hội nhập quốc tế lâu dài.

CHỦ ĐỀ 2: LỊCH SỬ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ NĂM 1918 ĐẾN NAY

II. Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)

1. Xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết một số khó khăn, chuẩn bị kháng chiến (1945 – 1946)

a) Xây dựng chính quyền cách mạng

- Kiên toàn tổ chức Đảng, Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng các cấp.
- Nhân dân tham gia bầu cử Quốc hội khóa I (6/1/1946).
- Thành lập lực lượng vũ trang, căn cứ địa, giữ vững an ninh trật tự.

b) Góp phần giải quyết nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính

- Quyên góp lúa gạo cứu đói, giúp đồng bào các miền.
- Mở lớp bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ.
- Tự nguyện ủng hộ tiền, vàng, bạc cho cách mạng.

c) Chuẩn bị kháng chiến

- Lực lượng vũ trang tích cực luyện tập, chế tạo vũ khí.
- Tuần tra, canh gác các tuyến đường, bờ biển, bảo vệ vùng tự do.
- Chuẩn bị thể trận sẵn sàng kháng chiến chống thực dân Pháp.

2. Kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945 – 1954)

a) Bối cảnh lịch sử

- Chính quyền non trẻ, kinh tế khó khăn, nạn đói và nạn dốt nặng nề.
- Thực dân Pháp quay lại xâm lược, được Anh giúp sức và Mỹ ủng hộ.

=> Toàn dân Việt Nam buộc phải đứng lên kháng chiến để bảo vệ độc lập, tự do.

b) Buổi đầu kháng chiến chống Pháp (1945 – 1946)

- Ngày 23/9/1945, được quân Anh giúp sức, quân Pháp tấn công Sài Gòn, chiếm các cơ quan đầu não của chính quyền cách mạng.
- Nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định cùng lực lượng vũ trang đã anh dũng đứng lên chống trả, mở đầu phong trào Nam Bộ kháng chiến.
- Nhân dân thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”, bất hợp tác với Pháp, rút vào căn cứ kháng chiến.

c) Xây dựng củng cố lực lượng, đẩy mạnh cuộc kháng chiến (1946 – 1950)

- Thành lập Ủy ban Kháng chiến – Hành chính các cấp, tăng cường lãnh đạo.
- Xây dựng căn cứ, phát triển chiến tranh du kích; tiêu biểu có trận thắp canh cầu Bà Kiên (1948), chiến dịch Bến Cát (1950).
- Vùng căn cứ: nhân dân tăng gia sản xuất, hỗ trợ đồng bào dân tộc; vùng địch tạm chiếm: phá hoại kinh tế địch.
- Văn hóa – giáo dục: mở lớp bình dân học vụ, tuyên truyền, văn nghệ, báo chí phục vụ kháng chiến.
- Cuộc biểu tình ngày 9.1.1950 của hàng ngàn phụ huynh, học sinh phản đối cuộc xâm lược của Pháp. Cuộc biểu tình bị đàn áp, làm nhiều học sinh bị chết trong đó có Trần Văn Ôn

d) Cùng cả nước đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951 – 1954)

- Địch tăng cường đánh phá nhưng ngày càng suy yếu, co cụm trong đồn bót.
- Nhân dân Long Phước đào hầm bí mật chống càn.
- Trận cầu Định (1954): kết hợp nội ứng – ngoại kích, tiêu diệt đồn quan trọng trên quốc lộ 13.
- Cùng cả nước buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương.

e) Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp

- Nguyên nhân:
 - + Đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và Đảng bộ địa phương.
 - + Hệ thống căn cứ địa vững chắc (Chiến khu Đ là trung tâm miền Đông Nam Bộ).
 - + Nhân dân đoàn kết, yêu nước, dũng cảm, vừa sản xuất vừa chiến đấu.
- Ý nghĩa:
 - + Góp phần vào thắng lợi chung của cả nước, buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược.
 - + Bảo vệ độc lập dân tộc, khẳng định sức mạnh đoàn kết toàn dân.
 - + Tạo tiền đề để nhân dân bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ sau này.

III. Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954

– 1975)

1. Đấu tranh chống chế độ Mỹ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, phát động phong trào đấu tranh vũ trang (1954 – 1960)

a) Đấu tranh chống chế độ Mỹ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 – 1960)

- Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), Mỹ dựng chính quyền Ngô Đình Diệm, biến Sài Gòn thành thủ đô chế độ Việt Nam Cộng hòa, âm mưu chia cắt lâu dài.

- Chính quyền Mỹ – Diệm phát động các chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, khủng bố, đàn áp cách mạng.

- Ở Sài Gòn – Chợ Lớn: phong trào bảo vệ hòa bình sôi nổi, lập Ủy ban hòa bình để tập hợp quần chúng.

- Ở Thủ Dầu Một: mở rộng căn cứ kháng chiến, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị cho Đồng khởi.

- Ở Bà Rịa – Vũng Tàu: địch đàn áp khốc liệt, nhưng nhân dân vẫn giữ gìn, phát triển lực lượng cách mạng.

b) Phát động các cuộc đấu tranh (1960)

- Nhân dân và lực lượng vũ trang tấn công nhiều đồn bót (Bình Ba, Long Mỹ, Xóm Rẫy...), giải phóng xã Hắc Dịch, làm chủ nhiều xã ấp.

- Phong trào cách mạng miền Nam chuyển từ giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, tạo tiền đề cho cao trào Đồng khởi 1960.

2. Đẩy mạnh tiến công địch, góp phần đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961 – 1965)

- Mỹ – Diệm lập nhiều “ấp chiến lược” (An Nhứt, Hòa Long, Bình Giã, Đức Thạnh...) và mở các cuộc càn quét.

- Là nơi tiếp nhận vũ khí, thuốc men, thực phẩm từ miền Bắc chi viện cho miền Nam qua đường Hồ Chí Minh trên biển.

- Nhân dân các địa phương đồng loạt phá “ấp chiến lược”, riêng Bà Rịa – Vũng Tàu phá được gần 80%.

- Quân dân ta liên tiếp giành thắng lợi: Phước Thành (1961), Đường Long – Bến Cát (1963), Bến Tượng (1964), Đất Cuốc (1965), Bàu Bàng (1965), Dầu Tiếng (1965).

- Chiến thắng Bình Giã (1964 – 1965) là trận tiêu biểu, góp phần làm phá sản cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

3. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, góp phần làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965 – 1968)

- Quân dân ta anh dũng chiến đấu, tiêu biểu:
- + Tiêu diệt tiểu đoàn Mỹ ở Tầm Bó (Châu Đức, 1966).
- + Đập tan cuộc càn của quân Mỹ, Nam Triều Tiên, quân Sài Gòn tại Minh Đạm (1966).
- + Chiến thắng Bông Trang – Nhà Đỏ (1966).
- Xuân Mậu Thân 1968:
- + Ở Bà Rịa – Vũng Tàu: tấn công thị xã Bà Rịa và nhiều huyện, tiêu diệt sinh lực địch, làm chủ địa bàn nhiều ngày.
- + Ở Sài Gòn: tấn công nhiều mục tiêu trọng yếu, đặc biệt là Tòa Đại sứ Mỹ, gây tiếng vang lớn.
- + Ở Thủ Dầu Một: phối hợp tiến công và nổi dậy ở nhiều nơi.

4. Kiên trì tiến công và nổi dậy, góp phần làm phá sản chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ (1969 – 1972)

- Mỹ rút dần quân, địch đẩy mạnh “bình định” để củng cố chính quyền Sài Gòn.
- Ở Bà Rịa – Vũng Tàu: quân ta tiến công Xuân Lộc, Long Điền, Đất Đỏ (1972), giải phóng nhiều xã ấp, mở rộng vùng giải phóng.
- Ở Sài Gòn – Gia Định: thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1969); đặc công Rừng Sác tấn công Bộ Tư lệnh Hải quân nguy, kho xăng Nhà Bè; bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh chính trị đòi tự do, dân chủ, hòa bình.
- Ở Thủ Dầu Một: chiến thắng Dầu Tiếng (1969), tham gia cuộc tiến công chiến lược 1972.
→ Làm phá sản âm mưu “Việt Nam hóa chiến tranh”, tạo thế và lực mới cho cách mạng miền Nam.

5. Chống địch lấn chiếm, phá hoại Hiệp định Pa-ri, Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Thành phố Hồ Chí Minh (1973 – 1975)

- Sau Hiệp định Pa-ri (1973), Mỹ rút quân nhưng tiếp tục viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.
- 25/9/1974: Ủy ban Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Khu Sài Gòn – Gia Định ra lời kêu gọi chống Thiệu, đòi hòa bình, tự do, dân chủ.
- 10/3/1975: Chiến thắng Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một), làm rung chuyển tuyến phòng thủ phía Bắc Sài Gòn.
- 21–27/4/1975: Quân ta chọc thủng phòng tuyến Xuân Lộc, giải phóng Bà Rịa, các huyện Châu Đức, Long Đất, Xuyên Mộc.
- 30/4/1975: Quân ta giải phóng Vũng Tàu, Thủ Dầu Một, tiến vào Dinh Độc Lập; chính quyền Sài Gòn sụp đổ.

6. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

của nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

*** Nguyên nhân thắng lợi**

- Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng.
- Nhân dân giàu lòng yêu nước, đoàn kết, dũng cảm, sẵn sàng hy sinh.
- Có nhiều căn cứ cách mạng, lực lượng vũ trang mạnh.
- Nhận được sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc và cả nước.

*** Ý nghĩa lịch sử**

- Góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
 - Đập tan bộ máy chính quyền và quân đội Sài Gòn, giành chính quyền về tay nhân dân.
 - Mở ra kỷ nguyên mới: hòa bình, độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.
-

CHỦ ĐỀ 3: TRUYỆN THƠ QUỐC NGŨ TRONG NỀN VĂN HỌC VÀ ĐỜI SỐNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. Khái quát về truyện thơ Quốc ngữ

- Truyện thơ quốc ngữ được sáng tác dưới hình thức văn vần, kết hợp phương thức tự sự với trữ tình.
- Truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ là loại sách ít trang, có giá bình dân nên được người dân Nam Kỳ yêu thích và lựa chọn mua để thưởng thức.
- Đến thập niên 40 của thế kỷ XX, do nhu cầu thưởng thức văn nghệ, văn chương của độc giả Nam Kỳ thay đổi, phong trào nói thơ không còn phổ biến như trước nên truyện thơ Quốc ngữ Nam Kỳ dần mai một và bị lãng quên cho đến ngày nay.

II. Sáng tác và tiếp nhận truyện thơ Quốc ngữ tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, các truyện thơ dân gian ra đời.
 - Đến đầu thế kỷ XX, một số người đứng ra sưu tầm các bài thơ này và chép lại bằng chữ Quốc ngữ.
-

CHỦ ĐỀ 4: MỘT SỐ NGHỆ NHÂN ĐÀN CA TÀI TỬ TIÊU BIỂU Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. Đàn ca tài tử

- Khái niệm: là một loại hình nghệ thuật truyền thống phổ biến tại miền Nam Việt Nam. Bao gồm sự kết hợp giữa âm nhạc và ca hát.
- Nhạc cụ: các cây đàn truyền thống như đàn đáy, đàn tranh, đàn nguyệt, đàn kìm và đàn tranh bầu.
- Nguồn gốc: kết hợp giữa loại nhạc lễ Nhã nhạc cung đình Huế và văn học dân gian từ cuối thế kỷ 19.

- Đặc điểm: kết hợp giữa nhịp điệu nhanh, chậm và pha trộn giữa âm thanh độc đáo từ các loại đàn khác nhau.

II. Một số nghệ nhân đàn ca tài tử tiêu biểu ở TP. HCM

1. Nghệ nhân nhân dân Võ Kệ (thường gọi là **Ông Tư**) là một nghệ nhân đàn ca tài tử nổi tiếng ở Thành phố Hồ Chí Minh. Ông sinh ra tại vùng Bình Chánh, có tuổi thơ nghèo khó, mồ côi mẹ sớm, nhưng say mê tiếng đàn từ nhỏ, tự học các nhạc cụ như đàn cò, đàn kìm, đàn tranh, guitar phím lõm. Ông sáng lập **Câu lạc bộ Đàn ca tài tử Bình Quý** năm 2013, kiên trì truyền dạy cho thế hệ trẻ, góp phần bảo tồn loại hình nghệ thuật này. Với những đóng góp lớn, ông được Nhà nước phong tặng danh hiệu **Nghệ nhân Ưu tú** trong lĩnh vực đàn ca tài tử.

2. Nghệ nhân nhân dân Thanh Tuyết (tên thật Phạm Thị Tuyết, sinh năm 1969) là **Nghệ nhân Ưu tú** đàn ca tài tử tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sinh ra trong gia đình có truyền thống nghệ thuật ở Vĩnh Long, chị đam mê ca hát từ nhỏ, từng tham gia nhiều câu lạc bộ và liên hoan đàn ca tài tử Nam Bộ. Với giọng ca truyền cảm, chị vừa biểu diễn vừa truyền dạy, góp phần bảo tồn và phát triển loại hình nghệ thuật này, được phong tặng danh hiệu **Nghệ nhân Ưu tú** và sau đó là **Nghệ nhân Nhân dân**.

3. Nguyễn Văn Lợi là nghệ nhân đàn ca tài tử tiêu biểu của TP. Vũng Tàu, thuộc Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông có hơn 40 năm gắn bó với nghệ thuật đàn ca tài tử, nổi bật với kỹ năng đàn kìm và guitar phím lõm. Là Chủ nhiệm **Câu lạc bộ Đàn ca tài tử TP. Vũng Tàu**, ông tích cực tổ chức sinh hoạt, truyền dạy cho thế hệ trẻ và tham gia nhiều liên hoan khu vực. Với những đóng góp lớn, ông được phong tặng danh hiệu **Nghệ nhân Ưu tú** năm 2015.

4. Nguyễn Thị Kim Loan là nghệ nhân đàn ca tài tử tiêu biểu của huyện Long Điền, Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà có hơn 30 năm hoạt động trong lĩnh vực đàn ca tài tử, nổi bật với vai trò nghệ nhân ca (ca công) và là người sáng lập, điều hành **Câu lạc bộ Đàn ca tài tử Long Điền**. Bà tích cực truyền dạy cho thanh thiếu niên địa phương, nhiều lần đoạt giải tại các liên hoan đàn ca tài tử Nam Bộ và được Nhà nước phong tặng danh hiệu **Nghệ nhân Ưu tú** năm 2020.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆM 9

CHỦ ĐỀ 1: TỰ TẠO ĐỘNG LỰC VÀ ỨNG PHÓ VỚI ÁP LỰC

A. Trắc nghiệm (8 câu)

Câu 1: Điều **không** phải là biểu hiện tiêu cực khi gặp áp lực tâm lý?

- A. Mất ngủ, chán ăn.
- B. Luôn cảm thấy lo lắng, bồn chồn.
- C. Tập trung lập kế hoạch giải quyết vấn đề.
- D. Dễ cáu gắt với mọi người xung quanh.

Câu 2: Để tự tạo động lực cho bản thân, việc làm nào sau đây là hiệu quả nhất?

- A. So sánh bản thân với những người thành công hơn để thấy mình kém cỏi.
- B. Đặt ra mục tiêu vừa sức và chia nhỏ mục tiêu để thực hiện.
- C. Chờ đợi sự khích lệ từ cha mẹ và thầy cô.
- D. Đặt mục tiêu thật cao, vượt xa khả năng để cố gắng.

Câu 3: Khi gặp áp lực từ việc học tập quá tải, em nên làm gì?

- A. Bỏ mặc, không học nữa để xả stress.
- B. Thức thâu đêm để học cho hết bài.
- C. Sắp xếp lại thời gian biểu và ưu tiên các việc quan trọng.
- D. Than vãn với bạn bè trên mạng xã hội.

Câu 4: Yếu tố nào sau đây là nguyên nhân chủ quan gây ra căng thẳng?

- A. Thời tiết thay đổi thất thường.
- B. Kỳ vọng quá cao của bản thân vào thành tích.
- C. Tiếng ồn từ công trường xây dựng gần nhà.
- D. Lịch thi đấu thể thao bị thay đổi.

Câu 5: "Tư duy tích cực" giúp chúng ta điều gì khi đối mặt với khó khăn?

- A. Phủ nhận sự thật và trốn tránh vấn đề.
- B. Nhìn nhận vấn đề theo hướng lạc quan để tìm giải pháp.
- C. Ảo tưởng sức mạnh của bản thân.
- D. Chấp nhận thất bại ngay lập tức.

Câu 6: Một trong những cách thư giãn hiệu quả để giảm căng thẳng tức thời là:

- A. Hít thở sâu và nghe nhạc nhẹ.
- B. Uống nhiều nước ngọt có ga.
- C. Tranh cãi với người gây ra áp lực.
- D. Ngủ vùi suốt cả ngày.

Câu 7: Biện pháp nào giúp rèn luyện sức bền về mặt thể chất để ứng phó áp lực?

- A. Xem phim thâu đêm.
- B. Ăn nhiều đồ ăn nhanh.
- C. Tập thể dục thể thao thường xuyên.
- D. Chỉ ngồi một chỗ đọc sách.

Câu 8: Khi bạn bè gặp áp lực, em nên:

- A. Lắng nghe và chia sẻ với bạn.
- B. Trêu chọc để bạn vui lên.
- C. Khuyên bạn nên bỏ cuộc.
- D. Phớt lờ vì đó không phải chuyện của mình.

B. Tự luận Lý thuyết Câu hỏi: Em hãy nêu 3 cách để tự tạo động lực cho bản thân khi gặp khó khăn trong học tập hoặc cuộc sống. Tại sao việc xác định điểm mạnh của bản thân lại giúp giảm bớt áp lực?

C. Giải quyết tình huống Tình huống: Minh là một học sinh giỏi, nhưng gần đến kỳ thi vào lớp 10, Minh luôn cảm thấy lo lắng, tim đập nhanh mỗi khi ngồi vào bàn học. Minh sợ sẽ làm bố mẹ thất vọng nếu không đỗ trường chuyên. Nếu là bạn của Minh, em sẽ khuyên Minh như thế nào để ứng phó với áp lực này?

CHỦ ĐỀ 2: GIAO TIẾP, ỨNG XỬ TÍCH CỰC

A. Trắc nghiệm

Câu 1: Trong giao tiếp, việc lắng nghe tích cực thể hiện qua hành động nào?

- A. Ngắt lời người khác để trình bày ý kiến của mình.
- B. Nhìn đi chỗ khác khi người khác đang nói.
- C. Gật đầu, mỉm cười và đặt câu hỏi gợi mở.
- D. Sử dụng điện thoại khi đang nói chuyện.

Câu 2: Khi bắt đầu quan điểm với bạn bè, thái độ nào là phù hợp nhất?

- A. Tôn trọng sự khác biệt và tìm điểm chung.
- B. Chỉ trích gay gắt ý kiến của bạn.
- C. Im lặng và bỏ đi không nói gì.
- D. Lôi kéo người khác để cô lập bạn.

Câu 3: Mục đích chính của việc tranh biện trong nhóm là gì?

- A. Để chứng tỏ mình giỏi hơn các bạn khác.
- B. Để tìm ra giải pháp tốt nhất cho vấn đề chung.
- C. Để hạ thấp uy tín của người có ý kiến trái chiều.
- D. Để bảo vệ ý kiến cá nhân đến cùng, bất chấp đúng sai.

Câu 4: Để xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, chúng ta cần tránh điều gì?

- A. Sự chân thành.
- B. Sự định kiến, áp đặt.
- C. Sự thấu hiểu.
- D. Sự chia sẻ.

Câu 5: Trong làm việc nhóm, nếu một thành viên không hoàn thành nhiệm vụ, nhóm trưởng nên:

- A. Loại thành viên đó ra khỏi nhóm ngay lập tức.
- B. Làm thay phần việc đó và không nói gì.
- C. Mắng mỏ thành viên đó trước mặt cả nhóm.
- D. Tìm hiểu nguyên nhân và hỗ trợ, nhắc nhở bạn.

Câu 6: Kỹ năng nào quan trọng nhất để giải quyết mâu thuẫn?

- A. Kỹ năng né tránh.
- B. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc.
- C. Kỹ năng tán công bằng lời nói.
- D. Kỹ năng ra lệnh.

Câu 7: Hành vi nào sau đây thể hiện sự tôn trọng trong giao tiếp ứng xử?

- A. Gọi bạn bằng biệt danh mà bạn không thích.
- B. Đến đúng giờ hẹn.
- C. Cười đùa khi người khác gặp chuyện buồn.
- D. Nói xấu sau lưng.

Câu 8: Khi nhận được lời góp ý từ người khác, thái độ tích cực là:

- A. Tức giận và phản bác ngay lập tức.
- B. Cảm ơn và suy ngẫm để hoàn thiện bản thân.
- C. Giả vờ nghe rồi bỏ ngoài tai.
- D. Tìm cách trả đũa người góp ý.

B. Tự luận Lý thuyết Câu hỏi: Thế nào là giao tiếp tích cực? Hãy nêu 4 nguyên tắc cần nhớ khi tham gia tranh biện hoặc giải quyết bất đồng để không làm rạn nứt mối quan hệ.

C. Giải quyết tình huống Tình huống: Trong buổi thảo luận nhóm về kế hoạch hội trại, Lan và Hùng có ý kiến trái ngược nhau gay gắt. Hùng to tiếng và cho rằng ý kiến của Lan là "ngớ ngẩn". Không khí nhóm rất căng thẳng. Là nhóm trưởng, em sẽ xử lý tình huống này như thế nào?

CHỦ ĐỀ 3: GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA NHÀ TRƯỜNG

A. Trắc nghiệm

Câu 1: Văn hóa nhà trường được thể hiện qua yếu tố nào?

- A. Chỉ qua cơ sở vật chất của nhà trường.
- B. Cách giao tiếp, ứng xử giữa thầy cô và học sinh.
- C. Số lượng học sinh của trường.
- D. Diện tích sân trường.

Câu 2: Hành động nào sau đây góp phần xây dựng trường học "xanh - sạch - đẹp"?

- A. Vứt rác vào ngăn bàn hoặc góc lớp.
- B. Chăm sóc bồn hoa, cây cảnh của lớp.
- C. Vẽ bậy lên tường và bàn ghế.
- D. Bỏ cành cây trong sân trường.

Câu 3: Truyền thống "Tôn sư trọng đạo" được thể hiện qua hành động nào?

- A. Lễ phép chào hỏi thầy cô giáo.
- B. Chỉ chào thầy cô dạy lớp mình.
- C. Nói trống không với thầy cô.
- D. Không làm bài tập về nhà thường xuyên.

Câu 4: Khi thấy bạn bè vi phạm nội quy nhà trường (ví dụ: hút thuốc, đánh nhau), em nên làm gì?

- A. Cổ vũ và quay clip đăng lên mạng.
- B. Làm ngơ vì sợ bị trả thù.
- C. Khuyến can bạn hoặc báo cho thầy cô giáo biết.
- D. Tham gia cùng bạn.

Câu 5: Xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường bao gồm hoạt động nào?

- A. Sử dụng sách để kê bàn ghế.
- B. Tích cực tham gia giới thiệu sách hay, quyên góp sách.
- C. Xé trang sách để gấp máy bay.
- D. Chỉ đọc truyện tranh trong giờ học.

Câu 6: Để quảng bá hình ảnh đẹp của nhà trường, học sinh cần:

- A. Mặc đồng phục không đúng quy định.
- B. Có thái độ ứng xử văn minh nơi công cộng.
- C. Gây gổ đánh nhau với học sinh trường khác.
- D. Xả rác bừa bãi khi đi dã ngoại.

Câu 7: Một môi quan hệ bạn bè lành mạnh trong trường học cần dựa trên:

- A. Sự bao che khuyết điểm cho nhau.
- B. Sự đua đòi về vật chất.
- C. Sự tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- D. Sự chia bè kết phái.

Câu 8: Tham gia các hoạt động thiện nguyện do nhà trường tổ chức giúp học sinh:

- A. Có điểm cộng thi đua để khoe khoang.
- B. Trốn tiết học trên lớp.
- C. Phát triển lòng nhân ái và trách nhiệm cộng đồng.
- D. Có cơ hội đi chơi xa miễn phí.

B. Tự luận Lý thuyết Câu hỏi: Trách nhiệm của người học sinh lớp 9 trong việc gìn giữ và phát huy truyền thống nhà trường là gì? Em hãy kể tên 2 hoạt động cụ thể mà em đã hoặc sẽ làm để góp phần xây dựng văn hóa nhà trường.

C. Giải quyết tình huống Tình huống: Em phát hiện một nhóm bạn lớp dưới đang vẽ bậy lên bức tường mới sơn của nhà trường. Khi em nhắc nhở, các bạn ấy phản ứng và nói: "Không phải việc của anh/chị". Trong trường hợp này, em sẽ xử lý như thế nào để thể hiện văn hóa ứng xử?

CHỦ ĐỀ 4: GÓP PHẦN XÂY DỰNG GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC

A. Trắc nghiệm

Câu 1: Đầu là việc làm thể hiện trách nhiệm của con cái trong gia đình?

- A. Chỉ biết đòi hỏi cha mẹ đáp ứng nhu cầu cá nhân.
- B. Chủ động chia sẻ việc nhà với cha mẹ.
- C. So bì gia đình mình với gia đình người khác.
- D. Đi chơi về khuya không xin phép.

Câu 2: Khi cha mẹ gặp khó khăn về tài chính, em nên:

- A. Đòi mua điện thoại mới đắt tiền bằng được.
- B. Tiết kiệm chi tiêu và thông cảm với cha mẹ.
- C. Tỏ thái độ khó chịu, vùng vằng.
- D. Vay tiền bạn bè để tiêu xài thoải mái.

Câu 3: Việc tổ chức sắp xếp nhà cửa gọn gàng mang lại lợi ích gì?

- A. Chỉ để đối phó khi có khách đến chơi.
- B. Tạo không gian sống thoải mái, gắn kết các thành viên.
- C. Tốn thời gian vô ích.
- D. Làm mọi người mệt mỏi thêm.

Câu 4: Để giải quyết mâu thuẫn giữa các thế hệ (ông bà, cha mẹ, con cái), cần nhất điều gì?

- A. Sự áp đặt của người lớn.
- B. Sự im lặng của con cái.
- C. Sự lắng nghe và thấu hiểu sự khác biệt.
- D. Sống tách biệt, mạnh ai nấy làm.

Câu 5: Một bữa cơm gia đình đầm ấm có ý nghĩa như thế nào?

- A. Là nơi chỉ để ăn uống cho xong bữa.
- B. Là cơ hội để các thành viên chia sẻ, gắn kết yêu thương.
- C. Là nơi cha mẹ trách mắng con cái.
- D. Là thủ tục bắt buộc nhằm chán.

Câu 6: Khi ngân sách gia đình bị thâm hụt, giải pháp nào là hợp lý?

- A. Cắt giảm các khoản chi tiêu không thiết yếu.
- B. Tiếp tục chi tiêu như cũ và đi vay nợ.
- C. Đổ lỗi cho nhau về việc ai tiêu nhiều hơn.
- D. Bán hết đồ đạc trong nhà.

Câu 7: Biểu hiện của sự quan tâm đến người thân là:

- A. Mua quà đắt tiền nhưng không bao giờ hỏi thăm.
- B. Nhớ ngày sinh nhật, hỏi thăm sức khỏe, giúp đỡ khi ốm đau.
- C. Chỉ quan tâm khi cần xin tiền.
- D. Phớt lờ việc chăm sóc ông bà cho người giúp việc.

Câu 8: "Ngân sách gia đình" là gì?

- A. Số tiền tiết kiệm trong ngân hàng.
- B. Tổng thu nhập của các thành viên trong gia đình.
- C. Bản dự trù thu - chi của gia đình trong một khoảng thời gian.
- D. Số tiền cha mẹ cho con cái tiêu vặt.

B. Tự luận Lý thuyết Câu hỏi: Theo em, tại sao việc quản lý chi tiêu và xây dựng ngân sách gia đình lại quan trọng? Là một học sinh lớp 9, em có thể làm gì để giúp đỡ cha mẹ trong việc quản lý tài chính gia đình?

C. Giải quyết tình huống Tình huống: Bố mẹ em đang tranh luận gay gắt về việc có nên mua một chiếc xe máy mới hay không trong khi kinh tế gia đình đang eo hẹp. Không khí gia đình rất nặng nề. Là một người con, em sẽ làm gì để hòa giải và đóng góp ý kiến xây dựng?

PHẦN II: GỢI Ý ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

CHỦ ĐỀ 1

A. Trắc nghiệm: 1.C 2.B 3.C 4.B 5.B 6.A| 7.C 8.A

B. Tự luận:

- **3 cách tạo động lực:** Đặt mục tiêu nhỏ, tự thưởng cho bản thân khi hoàn thành, tìm nguồn cảm hứng (sách, người thành công).
- **Tại sao:** Biết điểm mạnh giúp ta chọn phương pháp giải quyết vấn đề phù hợp, tăng sự tự tin, từ đó giảm lo âu.

C. **Tình huống:** Khuyến Minh: Chia sẻ áp lực với bố mẹ (bố mẹ luôn thương con), tập hít thở sâu, tập thể dục nhẹ nhàng. Nhắc Minh rằng sức khỏe và sự nỗ lực mới là quan trọng nhất, kết quả chỉ là một phần.

CHỦ ĐỀ 2

A. Trắc nghiệm: 1.C 2.A 3.B 4.B 5.D 6.B 7.B 8.B

B. Tự luận:

- **Giao tiếp tích cực:** Là sự tương tác dựa trên tôn trọng, thấu hiểu và hợp tác.
- **4 nguyên tắc:** Lắng nghe không ngắt lời; Tôn trọng sự khác biệt; Tập trung vào vấn đề chứ không công kích cá nhân; Sử dụng ngôn từ hòa nhã.

C. **Tình huống:** Là nhóm trưởng: Yêu cầu cả hai bình tĩnh. Đề nghị lần lượt từng người trình bày (không ai được ngắt lời). Phân tích ưu/nhược điểm từng ý kiến. Tìm giải pháp dung hòa hoặc biểu quyết theo đa số trên tinh thần xây dựng.

CHỦ ĐỀ 3

A. Trắc nghiệm: 1.B 2.B 3.A 4.C 5.B 6.B 7.C 8.C

B. Tự luận:

- **Trách nhiệm:** Chấp hành nội quy, học tập tốt, cư xử văn minh, bảo vệ của công.
- **Hoạt động:** (HS tự liên hệ) Ví dụ: Tham gia CLB Tiếng Anh, trực nhật sạch sẽ, tham gia phong trào "Kế hoạch nhỏ".

C. **Tình huống:** Bình tĩnh, không quát mắng. Giải thích nhẹ nhàng cho các em hiểu hành động đó làm mất vẻ đẹp ngôi trường chung. Nếu các em vẫn cố chấp, sẽ báo cáo với thầy cô phụ trách hoặc sao đỏ để có biện pháp giáo dục phù hợp.

CHỦ ĐỀ 4

A. Trắc nghiệm: 1.B 2.B 3.B 4.C 5.B 6.A 7.B 8.C

B. Tự luận:

- **Quan trọng:** Giúp cân đối thu chi, tránh nợ nần, có khoản dự phòng cho tương lai.
- **Học sinh làm gì:** Tiết kiệm điện nước, không đòi hỏi mua sắm lãng phí, tự quản lý tiền tiêu vặt, nuôi heo đất.

C. **Tình huống:** Đợi khi bố mẹ bình tĩnh, em sẽ bày tỏ suy nghĩ của mình. Em có thể đề xuất hoãn việc mua xe hoặc tìm mua xe cũ/trả góp nếu thực sự cần thiết. Khuyến bố mẹ cùng ngồi lại tính toán thu chi cụ thể trước khi quyết định để không khí gia đình vui vẻ trở lại.

THÔNG NHẤT

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I **Năm học 2025 – 2026 – Môn: Nghệ thuật (Mỹ thuật)**

I. CÁC NỘI DUNG THÔNG NHẤT

1/ Nội dung ôn tập kiểm tra giữa kì 1.

c/ Khối 9: Từ tuần 9 ngày 03/11/2025 đến tuần 15 ngày 15/12/2025

- Chủ đề: Kỹ thuật và chất liệu.

Bài 4: Tạo tác phẩm theo thể loại điêu khắc cân bằng động.

Bài 5: Thiết kế thời trang từ trang phục đã qua sử dụng.

- Chủ đề: Thương hiệu và sản phẩm

- Bài 6: Thiết kế đồ lưu niệm.

- Bài 7: Thiết kế và trang trí bao bì

- Bài 8: Thiết kế tờ gấp.

2/ Hình thức:

- Thực hành cá nhân.
- Khổ giấy A/4
- Màu sắc: Tự chọn.

Đề cương ôn tập kiểm tra cuối kì I môn Nghệ Thuật - Âm Nhạc

Khối 9

1.Hát:

- Mùa thu ngày khai trường
- Tình mẹ
- Em yêu biển đảo quê em

2. Đọc nhạc:

- Bài đọc nhạc số 1
- Bài đọc nhạc số 2
- Bài đọc nhạc số 3

3. Nhạc cụ: Nhạc cụ thể hiện tiết tấu

- Bài thực hành số 1
- Bài thực hành số 2
- Bài thực hành số 3

4.Lí thuyết âm nhạc:

- Sơ lược về quãng

5.Thường thức âm nhạc:

- Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý
- Một số thể loại nhạc đàn